TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HNGĐ–ST
Ngày: 28–4–2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lường Thị Khuyển, ông Quàng Văn Tiện.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Huy- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Mơ- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị Thu H, sinh năm 2002. Nơi cư trú: Bản Ỏ, xã C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn D, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Bản B, xã C, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị Thu H trình bày:

Chị H và anh Lò Văn D kết hôn với nhau từ ngày 07/02/2023. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, hai bên thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2025 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị giải quyết ly hôn với anh Lò Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 21/10/2022. Khi ly hôn chị H yêu cầu giao con cho anh Lò Văn D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị không phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lò Văn D đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng anh D vắng mặt nên không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng của các đương sự như sau:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 12/01/2026 xác định: Chị Lò Thị Thu H và anh Lò Văn D kết hôn với nhau từ năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Sơn La). Quá trình chung sống với nhau tại bản Ỏ, xã C, tỉnh Sơn La, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, anh chị đã sống ly thân với nhau được từ tháng 6/2025 đến nay. Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 21/10/2022. Hiện nay con chung của anh chị đang sống cùng anh D tại bản Ỏ, xã C, tỉnh Sơn La. Về tài sản chung, nợ chung không có gì.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/3/2026 với bố đẻ của anh Lò Văn D là ông Lò Văn T, nơi cư trú: Bản Ỏ, xã C, tỉnh Sơn La như sau: Chị H và anh D có với nhau một con chung là cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 21/10/2022. Kể từ khi cháu Đ được sinh ra cho đến khi chị H và anh D phát sinh mâu thuẫn, chị H bỏ về nhà ngoại sinh sống tới nay, cháu Đ được anh Lò Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đầy đủ. Hiện nay cháu Đ đang theo học lớp mầm non tại xã C, tỉnh Sơn La và đang sinh sống ổn định cùng bố và ông bà nội tại bản Ỏ, xã C, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn với lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng.

Chị Lò Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị H giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tống đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Thu H được ly hôn với anh Lò Văn D.

Về con chung: Giao cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 21/10/2022 cho anh Lò Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị Thu H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị Thu H khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn D, nên

xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Lò Văn D có nơi cư trú tại bản Ỏ, xã C, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Về việc không hòa giải: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lò Văn D đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Thu H và anh Lò Văn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Sơn La) vào ngày 07/02/2023, việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ kiều kiện kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân mâu thuẫn giữa chị Lò Thị Thu H và anh Lò Văn D xuất phát từ việc hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh D và chị H chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2025 cho đến nay, hiện tại không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho bị đơn anh Lò Văn D để viết bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh Lò Văn D không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn với chị Lò Thị Thu H thể hiện ý chí thiếu trách nhiệm, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình và không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh tại địa phương, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh D không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không thể hoà hợp được, đã sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc. Căn cứ vào Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét

thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho anh chị được ly hôn theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 21/10/2022. Hiện cháu Lò Thành Đ đang ở cùng anh Lò Văn D.

Ý kiến của chị Lò Thị Thu H nếu ly hôn chị nhất trí giao con chung cho anh Lò Văn D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh D.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lò Văn D nhiều lần nhưng anh D không có mặt để lấy lời khai về việc nuôi con chung và các vấn đề khác. Căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, đại diện gia đình bị đơn thể hiện: Kể từ khi cháu Đ được sinh ra đến khi chị H và anh D sống ly thân tới nay con chung ở cùng anh D, được anh D lo ăn học, chăm sóc chu đáo đầy đủ. Do vậy để đảm bảo mọi quyền lợi cho cháu, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu, để cháu phát triển tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là tiếp tục để con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh D do không có người yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị Thu H xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Lò Văn D không có ý kiến gì. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị Thu H là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí được Tòa án chấp nhận nên được miễn toàn bộ án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Thu H được ly hôn với anh Lò Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thành Đ, sinh ngày 21/10/2022 cho anh Lò Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (chị H) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không có người yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Lò Thị Thu H được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 3- Sơn La;
- Phòng THA dân sự khu vực 3- Sơn La;
- UBND xã Sông Mã, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Văn Thịnh